

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1 - MÔN SINH LỚP 7

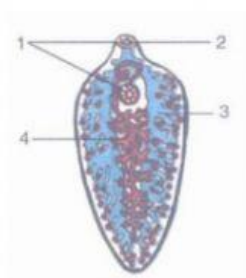
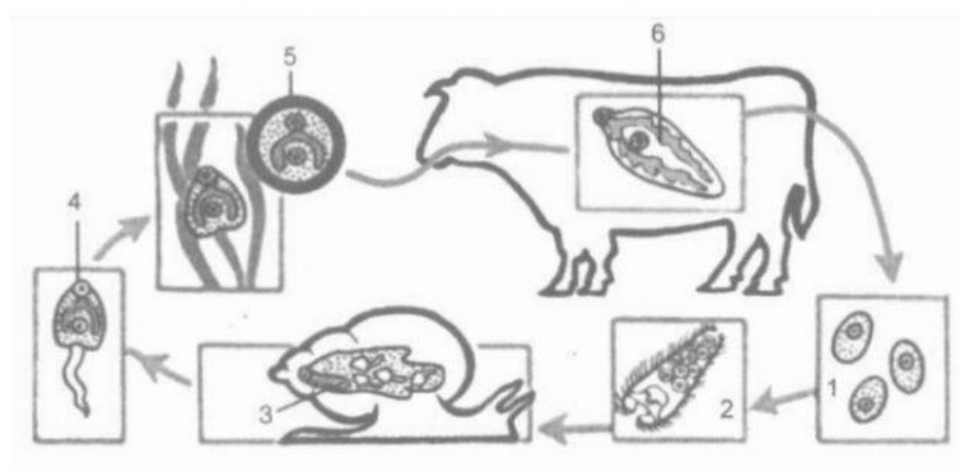
PHẦN 1: HOÀN THÀNH CÁC BẢNG VÀ SƠ ĐỒ DƯỚI ĐÂY:

Đặc điểm Động vật	Kích thước (so với hồng cầu)	Con đường truyền dịch bệnh	Nơi kí sinh	Tác hại	Tên bệnh
Trùng kiết lị					
Trùng sốt rét					

BỆNH KIẾT LỊ	



BỆNH SỐT RÉT	



PHẦN II: MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Bào xác của trùng kiết lị xâm nhập vào cơ thể người thông qua con đường nào?

- A. Đường tiêu hoá. B. Đường hô hấp. C. Đường sinh dục. D. Đường bài tiết.

Câu 2: Nhóm động vật nguyên sinh nào dưới đây có chân giả?

- A. trùng biến hình và trùng roi xanh. B. trùng roi xanh và trùng giày.
C. trùng giày và trùng kiết lị. D. trùng biến hình và trùng kiết lị.

Câu 4: Trùng sốt rét lây nhiễm sang cơ thể người qua vật chủ trung gian nào?

- A. Muỗi Anôphen. B. Muỗi Mansonia. C. Muỗi Rolex. D. Muỗi Aedes.

Câu 5: Vật chủ trung gian thường thấy của trùng kiết lị là gì?

- A. Ốc. B. Muỗi. C. Cá. D. Ruồi, nhặng.

Câu 6: Vị trí kí sinh của trùng kiết lị trong cơ thể người là

- A. trong máu. B. khoang miệng. C. ở gan. D. ở thành ruột.

Câu 7: Trong các biện pháp sau, biện pháp nào giúp chúng ta phòng tránh đc bệnh kiết lị?

- A. Mặc màn khi đi ngủ. B. Diệt bọ gậy.
C. Đậy kín các dụng cụ chứa nước. D. Ăn uống hợp vệ sinh.

Câu 8: Trong các phương pháp sau, phương pháp nào được dùng để phòng chống bệnh sốt rét?

1. Ăn uống hợp vệ sinh.
2. Mặc màn khi ngủ.
3. Rửa tay sạch trước khi ăn.
4. Giữ vệ sinh nơi ở, phát quang bụi rậm.

Phương án đúng là

- A. 1; 2. B. 2; 3. C. 2; 4. D. 3; 4.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây về động vật nguyên sinh là đúng?

- A. Cơ thể có cấu tạo đơn bào. B. Chỉ sống kí sinh trong cơ thể người.
C. Hình dạng luôn biến đổi. D. Không có khả năng sinh sản.

Câu 10. Các đại diện của ngành Ruột khoang không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Sống trong môi trường nước, đối xứng toả tròn.
B. Có khả năng kết bào xác.
C. Cấu tạo thành cơ thể gồm 2 lớp, ruột dạng túi.
D. Có tế bào gai để tự vệ và tấn công.

Câu 11. Đào ngàm san hô thường gây tổn hại gì cho con người?

- A. Cản trở giao thông đường thủy.
B. Gây ngứa và độc cho người.
C. Tranh thức ăn với các loại hải sản con người nuôi.
D. Tiết chất độc làm hại cá và hải sản nuôi.

Câu 12. Cơ thể ruột khoang có kiểu đối xứng nào?

- A. Đối xứng toả tròn. B. Đối xứng hai bên.
C. Đối xứng lưng – bụng. D. Đối xứng trước – sau.

Câu 13. Phần lớn các loài ruột khoang sống ở

- A. sông. B. biển. C. ao. D. hồ.

Câu 14. Ruột khoang nói chung thường tự vệ bằng

- A. các xúc tu. B. các tế bào gai mang độc.
C. lẫn trốn khỏi kẻ thù. D. trốn trong vỏ cứng.

Câu 15. Hình dạng của sán lá gan là

- A. hình trụ tròn. B. hình sợi dài. C. hình lá. D. hình dù.

Câu 16. Sán lá gan có bao nhiêu giác bám để bám chắc vào nội tạng vật chủ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 17. Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau

Sán lá gan đẻ nhiều trứng, trứng gặp nước nở thành ấu trùng ...(1)... và sau đó ấu trùng kí sinh trong ...(2)..., sinh sản cho ra nhiều ấu trùng ...(3)..., loại ấu trùng này rời khỏi ốc bám vào cây cỏ, bèo, cây thủy sinh và biến đổi trở thành ...(4).... Nếu trâu bò ăn phải cây cỏ có kén sán sẽ bị nhiễm bệnh sán lá gan.

- A. (1) : có đuôi ; (2) : cá ; (3) : có lông bơi ; (4) : trứng sán
B. (1) : có đuôi ; (2) : ốc ; (3) : có lông bơi ; (4) : kén sán
C. (1) : có lông bơi ; (2) : ốc ; (3) : có đuôi ; (4) : kén sán
D. (1) : có lông bơi ; (2) : cá ; (3) : có đuôi ; (4) : trứng sán

Câu 18. Phát biểu nào sau đây về sán lá gan là đúng ?

- A. Thích nghi với lối sống bơi lội tự do. B. Cơ thể đối xứng toả tròn.
C. Sán lá gan không có giác bám. D. Sán lá gan có cơ quan sinh dục lưỡng tính.

Câu 19. Vật chủ trung gian thường thấy của sán lá gan là gì?

- A. Cá. B. Ốc C. Trai. D. Hến.

Câu 20. Món ăn nào dưới đây có nguy cơ cao nhiễm sán lá gan?

- A. Rau sống. B. Phở bò C. Bún ốc. D. Canh ngao.

